

Vô Niệm, Vô Sanh 2? (CHÁNH NIỆM ĐẾN CHÂN NHƯ)

Trong bài “vô niệm, vô sanh?” của phần trước, chữ vô niệm được hiểu là chánh niệm để đưa hành giả về một trạng thái thức tỉnh toàn vẹn của tâm. Trong kinh Niệm Xứ (Satipatthnasutta) Đức Phật dạy rằng:

-Này các Tỳ kheo! Đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sinh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh tri, chứng ngộ Niết bàn. Đó là Tứ Niệm Xứ.

Nhưng thế nào là Tứ Niệm Xứ? Đức Phật dạy tiếp rằng:

Này các Tỳ kheo! Ở đây Tỳ kheo sống “quán thân” trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống “quán thọ” trên các thọ, nhiệt tâm tỉnh giác; chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống “quán tâm” trên tâm, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống “quán pháp” trên các pháp, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

Nói chung trong phần này Phật dạy chánh niệm để đối trị với những tâm hành sinh diệt, nhưng cốt tủy vẫn đưa chúng sinh đến một cứu cánh tốt đỉnh là thức tỉnh tức là “BIẾT”. Vậy biết cái gì? Khi tâm tham phát khởi là biết có tham, không tham thì cũng biết trong tâm không có tham. Sân và si cũng vậy. Nói cách khác khi lục căn tiếp xúc với sắc thanh hương vị xúc pháp thì vọng tâm dấy khởi. Ở đây Đức Phật dạy chúng sinh thực hành chánh niệm để biết rõ ráo tận cùng những biến đổi của tâm mà không cần phải tiêu diệt chúng.

Thí dụ thấy tiền nhiều tâm tham liền nổi dậy, nhưng nếu có chánh niệm thì biết ngay sự hiện hữu hình thành trạng thái tham của tâm cho nên tâm tham bây giờ không còn tác động hoành hành được nữa. Nói cách khác, bất cứ một ý niệm vừa khởi lên, chánh niệm cho ta “biết” đó là vọng tưởng. Khi đã biết bộ mặt thật của ý thức thì con người chỉ cần không theo vọng thì vọng tự mất mà không cần phải tiêu diệt chúng. Nói cách khác, không theo vọng, vọng tự tiêu tan tức là mê biến thì thời điểm đó giác tự hiển bày.

Vai trò của Người tu Phật cũng giống như một vị tướng trấn giữ một cái thành có sáu cửa (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý). Vị tướng giỏi là người lúc nào cũng thức tỉnh sáng suốt (chánh niệm) để biết rõ ràng địch (vọng tưởng) xuất hiện ở cửa thành nào (căn) và sức mạnh bao nhiêu (tham-sân-si). Khi giấc phiền não (vọng tưởng) vừa dấy khởi, vị chủ tướng biết thì giấc không dám hoành hành, tự biến mất mà không cần phải đánh đấm gì hết.

Nói cách khác người có tỉnh thức, giữ vững chánh niệm thì biết rằng vọng sinh rồi vọng tự diệt mà con người không cần phải tác ý dụng công chi cả. Đã là “tri vọng” thì tại sao chúng ta chỉ quan tâm đến vọng tâm mà không để ý đến vọng thân hay vọng khẩu? Vì vọng tâm che lấp trí tuệ nên con người không biết rằng thân mình và các pháp bên ngoài không thật có. Bây giờ biết thức tỉnh thì tất cả các pháp là do vọng tâm biến hiện cho nên trừ được vọng tâm thì những kết quả của thân và khẩu tự nó biến mất.

Cốt tủy của giáo lý Phật đà là tam vô lậu học tức là lấy Giới Định Tuệ làm gốc bởi vì giữ giới nghiêm minh để tâm an tịnh thì sẽ sinh định. Có định thì tâm sáng suốt, trí tuệ phát sinh. Khi tâm khai mở, trí tuệ phát chiếu thì tâm trở thành an lạc thanh tịnh Niết bàn. Chính Giới Định Tuệ là chiếc thuyền êm ái và là con đường độc nhất đưa hành giả từ bờ mê đến bến giác. Dựa theo tư tưởng Phật giáo nguyên thủy, hành giả chỉ cần thực hành đứng đắn Tứ Niệm Xứ, nghiêm trì Bát Chánh Đạo thì sẽ giải trừ tất cả các hoặc lậu mà trở thành bậc A la hán. Vì thế vào thời Đức Phật, chư đệ tử thực hành nghiêm túc lời dạy của Phật nên có hàng ngàn, hàng vạn vị vào hàng thánh quả, thoát ly sinh tử luân hồi.

Chính bát chánh đạo là con đường giúp chúng sinh giải thoát ra khỏi vòng sinh tử cho nên Đức Phật lại dạy rằng:

“Con đường cao thượng nhất là Bát chánh đạo. Chân lý cao thượng nhất là Tứ Diệu Đế...Đó là con đường duy nhất, không còn con đường nào khác dẫn đến kiến tịnh. Hãy đi theo con đường ấy để sớm thoát khỏi mọi điên đảo của phiền não khổ đau”.

Chính Đức Phật đã dạy Đại Đức Tu Bạt Đà La (Subhadda) trước khi

Ngài nhập diệt:

“Không thể có được bậc Thánh Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán trong bất cứ một tôn giáo nào nếu không có Bát chánh đạo. Nay Tu Bạt Đà La, trong giáo lý nào có Bát chánh đạo thì tất có hàng Thánh nhân. Ở đây, trong giáo lý của Như Lai lại có con đường Bát chánh, tất nhiên phải có các bậc Thánh mà trong giáo lý khác không thể có được. Nếu chư đệ tử sống chân chánh thì thế gian không thiếu Thánh nhân”.

Thêm nữa, dựa theo duy thức luận thì khi ngủ không phải là đưa tâm thức vào chỗ vô niệm. Bởi vì lúc chúng ta ngủ thì ngũ căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân gần như không hoạt động, nhưng ý căn vẫn tác động với pháp trần khiến tâm thức dấy động ngầm mà đôi khi con người gọi là mộng. Sự hoạt động của ý thức trong trường hợp này gọi là độc đầu ý thức tác động. Ngược lại khi chúng ta thức giấc, nếu mắt nhìn thấy vật gì thì tâm biết là vật mà không biết đó là vật gì cho nên nhãn thức phải có ý thức phân biệt cộng vào thì con người mới thấy biết hiện tượng vật thể rõ ràng được.

Trong Pháp Bảo Đàn kinh, Lục Tổ dạy rằng:

-Vô niệm là đối với niệm mà không niệm, đối trên các cảnh mà tâm không nhiễm.

Ý của Lục Tổ trong câu trên là khi đối diện với trần cấu thì giữ tâm đừng cho dính mắc, đừng khởi ý niệm tham tức là thấy thì cái gì cũng thấy mà như không thấy gì hết. Cái nghe, nắm, ngửi, biết...cũng vậy. Đây là thực hành đúng như huyền Tam-ma-đề của người vô tâm. Nói thế thì vô niệm chính là chánh niệm chứ là gì!

Lý tưởng của Phật giáo Nguyên thủy là lý tưởng giải thoát Niết bàn. Còn lý tưởng Đại thừa thì họ quan niệm rằng Niết bàn không phải là một lý tưởng tối cao mà thật ra lý tưởng tối cao phải là đạt đến Phật tánh tức là tuệ giác siêu việt và đại từ bi.

Bây giờ hãy lắng nghe lời Bồ-tát Long Thọ viết trong Luận Đại Trí Độ (Bát Nhã) rằng:

-Giới hạnh là da, Thiên định là thịt, Trí tuệ là xương, Diệu tâm là tủy.

Ý của Ngài thế nào?

Tuy người tu Phật có giữ giới, nhưng không tu thiền định thì chỉ là người có đức hạnh tốt cũng như là da vì tâm chưa an tịnh được. Ngược lại tu thiền định mà không giữ giới thì như nấu cát mà muốn thành cơm. Bây giờ hành giả giữ giới nghiêm minh, thiền định vững chắc để thấu biết luật vô thường, tánh duyên sinh của tất cả vạn pháp là phần thịt bên trong. Lúc tâm trí bừng sáng thấu biết tận cùng, trí tuệ phát sinh là phần xương, là cột trụ của con người. Tuy hành giả mặc dầu có trí tuệ mà không thấu biết bản tâm, thấu rõ chơn tâm, Phật tánh thì chưa vào được phần tủy, phần sống động của con người.

Vì chỗ khác biệt này mà các phần tử bảo thủ của phái Nguyên thủy phủ nhận chính thống kinh điển Đại thừa. Họ cho rằng đây là những tác phẩm “tưởng tượng”, một loại fiction giống như Harry Potter, của triết gia Long Thọ. Họ còn xác định rằng kinh Bát Nhã là do Long Thọ biến chế vào thế kỷ thứ hai sau dương lịch. Chẳng những thế Nguyên Thủy cũng phủ nhận hệ tư tưởng của Vô Trước và Thế Thân về chủ thuyết Mật-na thức và A-lai-da-thức và đặc biệt là giáo lý tam thân (Pháp thân, Báo thân và Ứng thân) về Đức Phật.

Nguyên Thủy cho rằng Vô Trước và Thế Thân đã giới thiệu hệ thống Phật giáo Thâm Mật, Du già mà trong đó cốt tủy vẫn là các thuyết Phật tánh, Như Lai Tạng bản thể, A Đà Na thức, Yêm ma la thức tức là Bạch Tịnh thức, Chân như thức và Như Lai tạng thức. Đó là những tư tưởng được diễn bày trong Thập đại kinh luận và trong Phật tánh luận sau đó vào trong kinh Thắng Mạn, Đại Thừa Niết Bàn, Lăng Già... Một nghi vấn khác là kinh Hoa Nghiêm được Long Thọ xuống tận Long Cung đem về mà trong ngũ bộ kinh Nikayas Nam Phạn không hề có dấu tích.

Trong hệ Phật giáo Nguyên Thủy, Đức Phật lịch sử giảng pháp trong những hoàn cảnh xã hội bình thường, những bài pháp thoại phản ảnh phong tục, tập quán và những tư tưởng dị biệt của những tôn giáo cùng thời. Trong đó những hình ảnh thiên nhiên như núi rừng hùng vĩ, mùa khô nước đổ, cây cỏ, chim bay, cá lặn... Đặc biệt từ

người ăn xin, nhà tu khổ hạnh, ông hoàng bà chúa, thương gia, phú hộ thậm chí những kẻ trộm cướp, giết người ngay cả gái giang hồ thì ai ai cũng được Đức Phật thu nhận làm đệ tử. Đây là một bức tranh sống động trong xã hội Ấn độ lúc bấy giờ.

Ngược lại trong kinh điển Đại thừa, hoàn cảnh phản ánh lại nền văn hóa xứ Ấn độ bây giờ chỉ còn là một bức tranh mờ nhạt. Đức Phật không còn là người khát sĩ, y bát tầm thường xốc xết hay thuyết giảng cho những đệ tử bình thường trong cái xã hội đầy bất công đau khổ. Ngược lại Đức Phật bây giờ uy nghi ngồi trên tòa sen, hào quang sáng chói chiếu rọi đến vô vàn thế giới và chung quanh Ngài có hàng ngàn hàng vạn Bồ-tát, chư Thiên đứng hầu.

Khi Phật thuyết pháp, trái đất rung chuyển, mưa hoa mạn đà la từ trời rơi xuống. Thật là thế giới đầy ánh sáng rực rỡ, nhiệm màu bí mật tuyệt đẹp không có bút mực nào diễn tả được. Thế giới quá màu nhiệm huyền bí vượt ngoài cái tâm nghĩ bình thường của con người nhất là con người cách nay trên mấy ngàn năm mà có lẽ chỉ xảy ra trong các phim thần thoại Harry Potter của nhà viết ảo tưởng J.K. Rowling ở Anh Quốc.

Theo nguyên thủy thì Đức Phật là vị A la hán đầu tiên và sau đó có hàng ngàn vị A la hán đặc đạo khác. Ngược lại Vô Trước giới thiệu Thập địa là cảnh giới Phật mà A la hán chỉ là nửa đường (hóa thành) chứ chưa đạt đến cảnh giới bảo sở. Vì thế Nguyên thủy cho rằng Đại thừa là giáo lý của chư Tổ chứ không phải của Đức Phật.

Dựa theo tư tưởng Đại thừa thì tâm không có ngăn mé, bao la vô cùng vô tận, hòa đồng vào chân lý vũ trụ vì thế cái tâm này được hiểu là Như Lai Tạng bản thể. Nó chứa đựng tất cả những chủng tử (hạt giống) để duyên khởi hình thành ra tất cả hiện tượng vạn pháp trong thế giới có sinh có diệt này. Phật giáo Nguyên thủy cho rằng thế gian vạn pháp là thật, tham sân si cũng thật nên phải canh phòng cẩn mật. Ngược lại Đại thừa lý luận rằng tất cả vạn pháp có hình tướng đều là giả dối không thật. “Có thật” là vì tâm người chấp chớ tự nó không có chủ thể, không có tự tánh thì tuy có đó mà tự tánh

vẫn là “không”. Thí dụ khi đi bộ thấy có vàng trắng soi bóng xuống đáy nước ở bờ hồ. Nếu bóng trắng là thật thì tại sao ta không vớt nó lên được, còn nếu nói không thì tại sao mắt ta thấy nó?

Tư tưởng Đại thừa cho rằng tuy vạn pháp có kính thước nặng nhẹ khác nhau, màu sắc khác nhau, tướng trạng khác nhau nhưng tất cả đều cùng có chung một thể tánh thanh tịnh bản nguyên hằng giác. Thí dụ ra biển thấy sóng nổi từng đợt lên xuống, nhưng dưới lòng đại dương nước biển vẫn yên lặng thanh tịnh như tờ. Sóng là dụng của nước và nước yên lặng là thể của nước tức là thể và dụng cũng đều do nước mà có bất tức bất ly nghĩa là sắc tức là không và không cũng chính là sắc.

Tuy nhiên, Thể tánh là vô hình nên làm sao đặt tên cho nó được vì thể mà trong kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật tạm gọi nó là chơn tâm. Kinh Pháp Hoa thì gọi là tri kiến Phật, Phật tánh trong kinh Đại Niết Bàn, Trí huệ Phật trong kinh Hoa Nghiêm...thiền tông gọi nó là “Bản lai diện mục”, Lục Tổ gọi nó là “Vô nhất vật”. Vì “không một vật” nên cái Phật tánh này không hề bị khách trần phiền não làm ô nhiễm. Con người vị chạy theo trần cảnh, sáu căn luôn dính mắc sáu trần nên quên đi cái tánh giác, Phật tánh sáng suốt của mình. Nhưng tuy bị lãng quên tánh giác vẫn luôn sáng soi chiếu rọi qua sáu căn mà con người không bao giờ để ý đến. Vì thế nếu chúng sinh quay về hồi quang phản chiếu, soi sáng tự tánh để sống với chơn tánh hằng sáng của mình thì vô minh tan biến, phiền não tiêu trừ.

Khi Tổ Bồ-đề Đạt Ma vào Trung Hoa, Ngài dạy rằng:

“Trực chỉ nhân tâm

Kiến tánh thành Phật”

Nghĩa là: Chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật.

Vậy tánh là gì? Và tại sao kiến tánh có một sức mạnh phi thường giúp người tu đạt đến cứu cánh tối thượng là thành Phật? Phật giáo Nguyên thủy nói rằng chính Đức Phật cũng phải trải qua ba a-tăng-kỳ-kiếp tu hành đến khi tự giác-giác tha, giác hạnh viên mãn mới thành Phật mà Tổ Đạt Ma lại nói chỉ cần thấy tánh tức thì thành Phật? Như vậy có trái với giáo lý Phật chăng?

Chữ kiến tánh mà Tổ Bồ-đề nói ở đây là trực nhận được tánh Phật. Vì thế kiến thành thành Phật là nhận ra Phật nhân của mình còn đến Phật quả thì dĩ nhiên cần phải trải qua bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp tu nữa mới thành chớ không phải thấy tánh thì tức thì thành Phật được. Tại sao? Bởi vì trong ta, tập khí ngã mạn, tham sân si kết nhóm sâu dày nên không dễ gì một sớm một chiều mà nhổ tận gốc được. Nếu thành Phật thì tại sao chúng sinh không gọi Phật Đạt Ma hay Phật Huệ Năng mà lại gọi là Tổ. Do vậy các Tổ tuy đã kiến tánh, nhưng cũng phải trải qua vô số kiếp tu hành mới thành Phật quả.

Đây có lẽ là yếu điểm của Đại thừa vì danh tự, triết lý tuy rất hay, phong phú, trừu tượng nhưng có giải thoát thì rất khó, rất hiếm bởi vì cái kiến tánh ở đây thật ra cũng chỉ là văn tự bát nhã. Hành giả còn phải đi sâu vào quán chiếu bát nhã thì mới hy vọng đạt được thật chứng bát nhã. Ngược lại lối tu theo thiên nguyên thủy, hành giả luôn giữ chánh niệm loại bỏ ác pháp ly dục, tận diệt tham-sân-si thì tâm dần dần đi tới chỗ thanh tịnh trở thành thánh giả, lìa sanh tử ngay trong đời này. Vì thế người tu theo

Đại thừa, tuy có nói lìa thiện lìa ác, tâm trí rỗng rang, mà cái gốc tham-sân-si không nhổ sạch, tranh chấp vẫn còn nên khó trở về với “vô nhất vật” được. Tuy Lục Tổ nghe câu: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” thì Ngài liền ngộ đạo bởi vì tâm Ngài bình thường không dính mắc. Không dính mắc có nghĩa là Ngài đã đốn tận gốc rễ của tham-sân-si. Ngược lại chúng sinh lòng tham đắm sâu dày, trong chấp ngã ngoài chấp pháp, tranh chấp, đố kỵ không tan cho dù có kiến tánh thì con đường đến Phật quả chắc có lẽ còn xa xôi mù mịt chắc gì đã đến được hóa thành nói chi là bảo sở.

Ngày xưa chính Tôn giả Ưu Bà Ly chỉ chuyên trì giới mà trở thành A la hán vì thế giới luật có một giá trị tuyệt đối trong đạo Phật. Ngày nay đạo Phật chao đảo chông chênh là vì con người chạy theo hình tướng sinh diệt, xao lãng giới luật hay biến chế giới luật mà lạc mất đường về. Ngày xưa Đức Phật không chú ý đến triết học, không cần giải thích viển vong, không đưa con người vào những thế giới vô định, ảo tưởng mà mục đích chính của Ngài và đây cũng là tôn chỉ của đạo Phật là nhổ mũi tên “khổ đau” của nhân loại. Đức Phật và

các bậc giải thoát vẫn sống, đi, đứng, nằm, ngồi trong cái thế giới có sinh có diệt này, nhưng các Ngài có được thanh tịnh Niết bàn bởi vì các Ngài đã đoạn trừ tất cả các lậu hoặc.

Ngày xưa Đức Phật xuất thân là vị Thái tử quyền uy danh vọng cao sang thế mà khi xuất gia thì Ngài bố thí tất cả để trở thành người khất sĩ. Do đó triết lý cao thượng của đạo Phật là đi ngược lại với cuộc sống của thế tình. Những gì thế gian xem là cao quý thì nhà Phật coi như cỏ rác. Còn những gì mà thế nhân khó thực hành thì nhà Phật mới cho là cao quý. Sau mấy ngàn năm, cây Bồ-đề thật sự lớn mạnh sanh đẻ ra nhiều cành nhiều lá. Lá Bồ-đề ngày nay lượn bay và rơi vào trong tâm hồn của tất cả chúng sinh khắp mọi nơi trên thế giới. Nếu là nhánh thật thì cao quý, hạnh phúc biết bao, ngược lại nếu là “nhánh tháp” thì lá Bồ-đề có thể sẽ thành lá mù u, lá bàng đổ.

Những gì Đức Phật dạy phát xuất từ đời sống kinh nghiệm và chứng đắc của bản thân vì thế Ngài dạy chúng sinh những ý chí sắc đá, trí tuệ cao siêu, đức sống vị tha, sự thoát ly và đặc biệt là sống đời gương mẫu làm lợi ích cho mình, cho người. Con người vĩ đại đó, tấm lòng đại từ đại bi đại trí tuệ đó, phương pháp giáo dục siêu việt đó của Đức Phật đã làm cho thế giới kính phục Ngài như một đạo sư siêu việt nhất trong lịch sử nhân loại.

Đạo Phật là đạo thực hành nên Đức Phật không dạy chúng sinh những giáo lý ảo tưởng, hoang đường mà Ngài dạy những phương trình, những công thức rất thực dụng để chúng sinh tùy theo căn cơ, sở nguyện của mỗi người mà áp dụng để có thực chứng. Càng loại bỏ các lậu hoặc, các tập khí con người càng an lạc mà không cần phải cầu nguyện, cúng tế chi cả. Đức Phật khi còn tại thế đã cực lực chống đối lối cúng tế nghi lễ phức tạp của Bà la môn và tôn thờ thần thánh một cách mù quáng.

Đó là một trong những nguyên nhân đạo Phật ra đời để thổi một luồng sinh khí mới vào trong xã hội phong kiến, đẳng cấp, kỳ thị của Ấn độ lúc bấy giờ. Ngài xiển dương tình thân khách quan bình đẳng

vì ai cũng đều có máu đỏ và nước mắt cùng mặn cho nên thay vì kỳ thị, xua đuổi con người nên gần lại với nhau, cùng nhau xoa dịu những mảnh đời bất hạnh. Ngược lại ngày nay người đệ tử Phật thì chú trọng vào lễ nghi rườm rà, cúng tế, tin tưởng vào thần linh cầu nguyện. Đức Phật y bát bình thường giản dị, ngược lại đệ tử của Ngài thì sặc sỡ, huy hoàng. Ngài đi khát thực hàng ngày còn đệ tử thì cơm dâng nước cúng ngày ba bữa.

Ngài tri túc thiếu dục còn đệ tử thì tiền muôn bạc vạn, tử lạnh đầy áp cao lương, mỹ vị. Ngài đi chân đất đầu đội trần còn đệ tử thì ô tô bóng lộng. Ngài dùng thân thông để biết còn đệ tử thì có năm ba iPhone, iPad, iPod... Ngài sống tỉnh mặc còn đệ tử thì mặc tình múa hát với Tuấn Vũ. (http://www.youtube.com/watch?v=yfUbz_gy8xk) Ngài diệt bản ngã còn đệ tử hãnh diện là chùa tôi lớn hơn chùa thầy. Ngài nhổ tận gốc rễ phong kiến, giai cấp còn đệ tử thì xưng danh Tăng thống, quốc sư. Ngài bỏ công danh phú quý như bỏ đôi dép rách, đệ tử thì lượm đôi dép rách vào. Ngài dạy lục hòa còn đệ tử lập nhiều giáo hội. Ngài dạy ngồi thiền tư duy tỉnh lục còn đệ tử tụng niệm rình rang.

Đạo Phật không có giáo điều bất tín đồ phải sống chết bảo vệ. Đức Phật khai mở một tôn giáo không thờ hình tượng mê tín mà là một tôn giáo lấy lý trí làm nền tảng, một tôn giáo khoa học, một tôn giáo hòa bình vô ngã vị tha, một tôn giáo không cần giáo hội thống nhất vì thống nhất thì tự nó đã ngầm chứa chia rẽ, phân ly rồi. Thí dụ hai người có hai lý tưởng tu hành khác nhau, con đường giải thoát khác nhau, cứu cánh giác ngộ cũng khác nhau, kẻ mặn người chay mà bây giờ kêu gọi thống nhất với nhau. Vậy thống nhất cái gì? Có đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu thì mới đồng tình được chứ.

Giáo lý Đức Phật là đơn giản, không phức tạp, dễ áp dụng, nhưng thực hành để thành tựu trí tuệ Bồ-đề thì không dễ đòi hỏi hành giả phải có một ý chí sắc đá để viễn ly. Viễn ly những thói hư tật xấu, viễn ly những tham đắm dục tình, viễn ly những tham vọng đê hèn, viễn ly những ý nghĩ bất thiện...Càng viễn ly thì con người càng gần với an lạc thanh tịnh Niết bàn. Do đó toàn bộ giáo lý Đức Phật chỉ là phương tiện mà thực chứng chân lý mới là cứu cánh. Đức Phật dạy chúng sinh đời là bể khổ vì Ngài thấy biết như thế, nếu Đức Phật là

đấng thần linh thì Ngài chỉ cần niệm “Úm ba di bát nhị hồng” rồi phẩy cái phát trần thì thế gian làm gì còn đau khổ. Biết đời là bể khổ, con người lặn hụp trong biển trầm luân, nhưng chính Ngài không thể hóa giải nỗi khổ của chúng sinh mà mỗi người phải tự mình giải thoát ra khỏi mọi gông cùm của phiền não khổ đau mà giáo lý Đức Phật chính là tấm hải đồ giúp chúng sinh đến được bờ an lạc.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Lê Sỹ Minh Tùng